

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **86/2023/HNGĐ – ST**
Ngày: 15 - 9 -2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương và bà Đào Thị Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2023/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2023/QĐXX - ST ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: **anh Phạm Khánh H,** sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2023 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Khánh H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/7/2017. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã. Chị và anh H đã sống ly thân một thời gian, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Khánh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 người con chung, họ tên là Phạm Khánh N sinh ngày 29/3/2011; Phạm Khánh D sinh ngày 26/7/2013; Phạm Quỳnh Khánh V sinh ngày 22/4/2017. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Phạm Khánh N, Phạm Khánh D, Phạm Quỳnh Khánh V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi cháu số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lời khai, bị đơn anh Phạm Khánh H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/7/2017. Trong quá trình chung sống bình thường, nhiều khi có xảy ra cãi vã, anh và chị N đã ly thân khoảng 03 năm tức là từ năm 2020 đến nay, trong thời gian sống ly thân không có sự chăm sóc lẫn nhau, kinh tế độc lập, anh không còn tình cảm với chị N nhưng vì con còn nhỏ.

Về con chung: Anh và chị N có 03 người con chung, họ tên là Phạm Khánh N sinh ngày 29/3/2011; Phạm Khánh D sinh ngày 26/7/2013; Phạm Quỳnh Khánh V sinh ngày 22/4/2017. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Phạm Khánh N, Phạm Khánh D, Phạm Quỳnh Khánh V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi mỗi cháu số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu thành niên.

Nghề nghiệp của anh làm thợ hồ xây dựng, thu nhập trung bình 15.000.000đ/tháng, ngoài ra anh không còn nguồn thu nào khác, thời gian, địa điểm làm việc không cố định, hiện tại anh đang ở nhà trọ chưa có nhà ở riêng; hiện tại các cháu N, D, V đang ở nhà mẹ ruột chị N tại thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn chị N vắng mặt có văn bản xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh H vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Khánh H có nơi ở tại thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; chị N và anh H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có văn bản đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H đã được tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Phạm Khánh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị N và anh H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị N và anh H đã sống ly thân thời gian dài từ năm 2020 cho đến nay, phía bị đơn anh H cũng thừa nhận sự việc này. Trong thời gian sống ly thân chị N và anh H không có sự chăm sóc, chia sẻ cho nhau, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, chị N và anh H đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị N là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 03 người con chung, họ tên là Phạm Khánh N sinh ngày 29/3/2011; Phạm Khánh D sinh ngày 26/7/2013; Phạm Quỳnh Khánh V sinh ngày 22/4/2017. Sau khi ly hôn, chị N và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu N, Duy, Vy. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “...*nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con*”; căn cứ theo biên bản lời khai của cháu Phạm Khánh D và cháu Phạm Khánh N thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị N; đối với cháu Phạm Quỳnh Khánh V hiện nay con nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Vì vậy, cần giao các cháu Phạm Khánh N sinh ngày 29/3/2011; Phạm Khánh D sinh ngày 26/7/2013; Phạm Quỳnh Khánh V sinh ngày 22/4/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu Phạm Khánh D sinh ngày 26/7/2013 và Phạm Quỳnh Khánh V sinh ngày 22/4/2017 mỗi cháu số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, vì vậy cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Khánh D sinh ngày 26/7/2013 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D thành niên, đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Quỳnh Khánh V sinh ngày 22/4/2017 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V thành niên đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản và nợ: Không có. Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; **Điều 81,82,83,84** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Khánh H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20, ngày 05/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao các cháu Phạm Khánh N sinh ngày 29/3/2011; Phạm Khánh D sinh ngày 26/7/2013; Phạm Quỳnh Khánh V sinh ngày 22/4/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Khánh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Khánh D sinh ngày 26/7/2013 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D thành niên, đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Quỳnh Khánh V sinh ngày 22/4/2017 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V thành niên đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản và nợ: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000964, ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Buộc bị đơn anh Phạm Khánh H phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà